

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2022

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thông tin về Tổng Công ty**

**Các văn bản thành lập** Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100104443 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất (lần thứ 9) là ngày 29 tháng 4 năm 2022.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Bà Mai Kiều Liên Ông Trịnh Quốc Dũng Ông Nguyễn Hồng Bách Ông Lê Thành Liêm Ông Đỗ Hoàng Phúc Ông Trần Chí Sơn	Chủ tịch Thành viên Thành viên ( <i>từ ngày 08/06/2022</i> ) Thành viên ( <i>từ ngày 08/06/2022</i> ) Thành viên ( <i>từ ngày 08/06/2022</i> ) Thành viên ( <i>đến ngày 08/06/2022</i> )
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Trịnh Quốc Dũng Ông Nguyễn Đăng Khoa Ông Trần Chí Sơn	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc ( <i>từ ngày 20/05/2022</i> )
<b>Ban Kiểm soát</b>	Bà Hà Thị Diệu Thu Ông Trịnh Công Sơn Ông Trương Anh Vũ Ông Trịnh Công Tuyển	Trưởng Ban Thành viên Thành viên ( <i>từ ngày 08/06/2022</i> ) Thành viên ( <i>đến ngày 08/06/2022</i> )
<b>Trụ sở đăng ký</b>	519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 3 đến trang 35 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Trịnh Quốc Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2022



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>1.095.782.988.290</b>	<b>622.243.290.564</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>8</b>	<b>237.850.085.789</b>	<b>38.848.075.241</b>
Tiền	111		12.850.085.789	13.848.075.241
Các khoản tương đương tiền	112		225.000.000.000	25.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>815.000.000.000</b>	<b>567.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	815.000.000.000	567.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>39.513.264.483</b>	<b>15.088.405.915</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	2.615.962.068	2.346.806.887
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.533.252.172	415.273.291
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	34.324.125.243	12.565.325.737
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(3.960.075.000)	(239.000.000)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>55.482.620</b>	<b>55.482.620</b>
Hàng tồn kho	141		55.482.620	55.482.620
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.364.155.398</b>	<b>1.251.326.788</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		183.521.665	147.164.605
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		725.538.730	1.002.474.233
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	14(a)	2.455.095.003	101.687.950

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>1.355.652.276.512</b>	<b>363.399.547.663</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>12.213.679.522</b>	<b>18.208.540.148</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	12.213.679.522	18.208.540.148
<i>Nguyên giá</i>	222		80.680.209.374	151.944.761.946
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(68.466.529.852)	(133.736.221.798)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		441.000.000	299.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(441.000.000)	(299.000.000)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.163.007.941</b>	<b>780.167.941</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.163.007.941	780.167.941
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.341.891.702.514</b>	<b>343.933.239.680</b>
Đầu tư vào công ty con	251	9(b)	1.168.211.636.965	328.647.265.465
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252	9(b)	238.833.528.842	7.933.556.527
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	9(b)	29.761.912.327	29.761.912.327
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	9(b)	(94.915.375.620)	(22.409.494.639)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>383.886.535</b>	<b>477.599.894</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		383.886.535	450.554.335
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	27.045.559
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>2.451.435.264.802</b>	<b>985.642.838.227</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>	<b>300</b>		<b>51.158.270.137</b>	<b>47.666.540.626</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>51.158.270.137</b>	<b>47.666.540.626</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311		1.038.704.643	1.255.016.170
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.469.893.000	1.469.893.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14(b)	822.159.288	2.832.462.819
Phải trả người lao động	314		608.779.023	590.036.035
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		212.727.272	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	6.083.179.598	5.959.784.769
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	16	1.889.606.400	1.775.143.680
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	39.033.220.913	33.784.204.153
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>2.400.276.994.665</b>	<b>937.976.297.601</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>2.400.276.994.665</b>	<b>937.976.297.601</b>
Vốn cổ phần	411	19	1.723.461.730.000	631.010.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.723.461.730.000	631.010.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		236.741.977.230	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	20	72.384.563.804	61.102.545.573
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		367.688.723.631	245.863.752.028
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		268.624.940.854	167.107.526.105
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		99.063.782.777	78.756.225.923
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.451.435.264.802</b>	<b>985.642.838.227</b>

Ngày 30 tháng 7 năm 2022

Người lập:



Hoàng Mạnh Cường  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Huy Bích  
Giám đốc Tài chính



Trịnh Quốc Dũng  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022**

**Mẫu B 02a- DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	22	938.023.991	934.762.448	1.792.949.802	1.777.196.756
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	11	23	606.591.161	600.945.080	912.263.398	991.923.801
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>331.432.830</b>	<b>333.817.368</b>	<b>880.686.404</b>	<b>785.272.955</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	110.665.086.625	58.686.735.911	122.980.146.283	65.623.944.492
Chi phí tài chính	22	25	936.080.345	565.923.900	1.327.457.371	565.923.900
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	5.319.952.768	3.615.948.958	8.851.379.252	6.725.359.985
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>104.740.486.342</b>	<b>54.838.680.421</b>	<b>113.681.996.064</b>	<b>59.117.933.562</b>
<b>Thu nhập khác</b>	31	27	9.113.531.550	373.285.490	9.405.405.942	773.742.076
Chi phí khác	32	28	6.127.010.244	1.691.088.887	7.073.546.322	1.664.097.713
<b>Lỗ khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>2.986.521.306</b>	<b>(1.317.803.397)</b>	<b>2.331.859.620</b>	<b>(890.355.637)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 02a- DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		107.727.007.648	53.520.877.024	116.013.855.684	58.227.577.925
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	(1.210.473.627)	752.353.315	-	1.775.709.042
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	13.522.780	13.522.780	27.045.559	27.045.559
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		108.923.958.495	52.755.000.929	115.986.810.125	56.424.823.324

Ngày 30 tháng 7 năm 2022

Người lập:

  
 Hoàng Mạnh Cường  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
 Lê Huy Bích  
 Giám đốc Tài chính

  
 Trịnh Quốc Dũng  
 Tổng Giám đốc



*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022**

**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>116.013.855.684</b>	<b>58.227.577.925</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao	02	2.010.096.352	1.628.102.313
Các khoản dự phòng	03	1.441.920.091	680.386.620
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(126.670.602.046)	(65.696.671.765)
Thay đổi do sáp nhập	07	65.259.096.814	-
<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>58.054.366.895</b>	<b>(5.160.604.907)</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(6.337.626.632)	(949.067.932)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(207.110.795)	(317.708.729)
Biến động chi phí trả trước	12	30.310.740	(62.588.715)
		<b>51.539.940.208</b>	<b>(6.489.970.283)</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.664.639.174)	(1.027.082.085)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(391.992.357)	(250.904.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>49.483.308.677</b>	<b>(7.767.956.368)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(2.770.632.171)	(260.530.000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	8.806.174.074	72.727.273
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23	(150.000.000.000)	(506.000.000.000)
Tiền thu tiền gửi có kỳ hạn	24	192.000.000.000	519.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(34.068.160.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	1.336.500.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	101.483.159.968	106.644.991.582
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>149.518.701.871</b>	<b>86.725.528.855</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	199.002.010.548	78.957.572.487
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	38.848.075.241	40.010.097.362
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 8)	70	237.850.085.789	118.967.669.849

Ngày 30 tháng 7 năm 2022

Người lập:



Hoàng Mạnh Cường  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Huy Bích  
Giám đốc Tài chính



Trịnh Quốc Dũng  
Tổng Giám đốc



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”), tiền thân là Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, được thành lập theo Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100104443 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 29 tháng 04 năm 2022.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con:

- Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò;
- Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn;
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; và
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Tổng Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 Tổng Công ty có 2 công ty con và 5 công ty liên kết (1/1/2022: 2 công ty con và 2 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 9(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Tổng Công ty có 26 nhân viên (1/1/2022: 19 nhân viên).

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán giữa niên độ của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính. Toàn bộ các số liệu được trình bày bằng VND, trừ khi được ghi chú khác.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

**(a) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(c) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(d) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(e) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 30 năm
▪ Máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 10 năm
▪ Thiết bị văn phòng	3 – 8 năm

**(f) Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 2 đến 5 năm.

**(g) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng tài sản cố định hữu hình chưa được hoàn thành. Tổng Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

**(h) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa định kỳ, thuê biên quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(j) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(k) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(m) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(n) Thuê tài sản (thuê hoạt động)**

***Các khoản thanh toán tiền thuê***

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(o) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty và của các công ty này.

**(p) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ trước.



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh**

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022, không có sự thay đổi trọng yếu về các ước tính kế toán đã được thực hiện từ cuối kỳ kế toán năm trước.

**6. Các khoản mục bất thường**

Không có khoản mục bất thường của Tổng Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

**7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị**

Ngày 27 tháng 1 năm 2022, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước đã chấp thuận cho Tổng Công ty đăng kí phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo Hợp đồng Sáp Nhập Công ty Cổ phần GTNfoods (“GTN”). Theo đó, Tổng Công ty sẽ phát hành thêm cổ phiếu của Tổng Công ty cho các cổ đông hiện hữu của GTN để hoán đổi lấy toàn bộ cổ phiếu GTN đang lưu hành, tỷ lệ hoán đổi là 1,6:1 (cổ đông sở hữu 1,6 cổ phiếu GTN vào ngày chốt quyền sẽ hoán đổi lấy 1 cổ phiếu của Tổng Công ty).

Ngày 16 tháng 3 năm 2022, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước đã ban hành công văn số 1720/UBCK-QLCB về việc xác nhận kết quả phát hành theo Báo cáo kết quả phát hành số 21/2022/VLC/CV ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Tổng Công ty. Theo đó, Tổng Công ty đã phát hành thành công thêm 156.248.309 cổ phiếu để hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập với GTN.

Ngoài ra, không có thay đổi trọng yếu nào khác trong cơ cấu của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**8. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	8.759.448	11.164.695
Tiền gửi ngân hàng	12.841.326.341	13.836.910.546
Các khoản tương đương tiền	225.000.000.000	25.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	237.850.085.789	38.848.075.241

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng với lãi suất 3.4%/năm (1/1/2022: 3,2%/năm).

**9. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và thời hạn thu hồi còn lại dưới 12 tháng kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán với lãi suất từ 5.4%/năm đến 6.1%/năm (1/1/2022: từ 4,7%/năm đến 5,8%/năm).



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

					30/6/2022		
	Địa chỉ	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư góp vốn vào:</b>							
<b>Công ty con</b>							
▪ Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu (“MCM”)	Tỉnh Sơn La	65.229.971	59,30%	59,30%	1.144.751.636.965	-	(***)
▪ Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật	Hà Nội	-	51%	51%	23.460.000.000	-	(***)
					<hr/>		
					1.168.211.636.965	-	
					<hr/>		
<b>Công ty liên kết</b>							
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng	Hải Phòng	491.658	30,00%	30,00%	4.614.583.308	(4.614.583.308)	(***)
▪ Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	Hà Nội	-	36,00%	36,00%	3.318.973.219	-	(***)
▪ Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng (**)	Lâm Đồng	5.613.217	38,30%	38,30%	80.622.827.315	-	(***)
▪ Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP (**)	Hà Nội	7.400.000	16,23%	16,23%	82.777.145.000	(28.945.405.338)	(***)
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung (**)	Quảng Nam	6.750.000	40,06%	40,06%	67.500.000.00	(43.560.475.643)	(***)
					<hr/>		
					238.833.528.842	(77.120.464.289)	
					<hr/>		

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

					<b>30/6/2022</b>		
	<b>Địa chỉ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>% sở hữu</b>	<b>% quyền biểu quyết</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>
<b>Đơn vị khác</b>							
▪ Công ty Cổ phần Chăn nuôi Chế biến Xuất nhập khẩu	Hà Nội	291.264	17,12%	17,12%	4.685.428.501	(4.685.428.501)	(***)
▪ Công ty Cổ phần Sữa Đà Lạt	Tỉnh Lâm Đồng	746.810	5,64%	5,64%	7.467.100.000	-	(***)
▪ Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung Ương	Hà Nội	1.722.715	17,23%	17,23%	17.609.383.826	(13.109.482.830)	(***)
					<hr/>	<hr/>	
					29.761.912.327	(17.794.911.331)	
					<hr/>	<hr/>	
					1.436.807.078.134	(94.915.375.620)	
					<hr/>	<hr/>	



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

					1/1/2022		
	Địa chỉ	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư góp vốn vào:</b>							
<b>Công ty con</b>							
▪ Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu (“MCM”)	Tỉnh Sơn La	35.771.572	32,52%	59,30%	305.187.265.465	-	(***)
▪ Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật	Hà Nội	-	51%	51%	23.460.000.000	-	(***)
					<hr/>		
					328.647.265.465	-	
					<hr/>		
<b>Công ty liên kết</b>							
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng	Hải Phòng	491.658	30,00%	30,00%	4.614.583.308	(4.614.583.308)	(***)
▪ Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	Hà Nội	-	36,00%	36,00%	3.318.973.219	-	(***)
					<hr/>		
					7.933.556.527	(4.614.583.308)	
					<hr/>		
<b>Đơn vị khác</b>							
▪ Công ty Cổ phần Chăn nuôi Chế biến Xuất nhập khẩu	Hà Nội	291.264	17,12%	17,12%	4.685.428.501	(4.685.428.501)	(***)
▪ Công ty Cổ phần Sữa Đà Lạt	Tỉnh Lâm Đồng	746.810	5,64%	5,64%	7.467.100.000	-	(***)
▪ Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung Ương	Hà Nội	1.722.715	17,23%	17,23%	17.609.383.826	(13.109.482.830)	(***)
					<hr/>		
					29.761.912.327	(17.794.911.331)	
					<hr/>		
					366.342.734.319	(22.409.494.639)	
					<hr/>		

## Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (\*) Sau khi GTN được sáp nhập vào Tổng Công ty vào ngày 16 tháng 3 năm 2022, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu do GTN trực tiếp nắm giữ trước đây được Tổng Công ty kế thừa. Theo đó, giá trị và tỷ lệ sở hữu của khoản đầu tư vào MCM của Tổng Công ty được tăng lên sau sáp nhập.
- (\*\*) Các công ty liên kết do GTN trực tiếp sở hữu trước đây đã được chuyển sang cho Tổng Công ty sở hữu sau khi GTN được sáp nhập vào Tổng Công ty vào ngày 16 tháng 3 năm 2022.

Tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP dưới 20%. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP thông qua việc Công ty có thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của công ty này. Do đó, khoản đầu tư vào Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP được trình bày trên khoản mục Đầu tư vào công ty liên kết.

- (\*\*\*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường hoặc khối lượng giao dịch thấp cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

### 10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật	420.108.620	420.108.620
Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu	358.383.312	170.046.093
<b>Bên khác</b>		
Công ty Cổ phần Phát triển TNS Việt Nam	1.269.041.536	1.370.473.574
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật liệu Xây dựng Cát Linh	239.000.000	239.000.000
Các khách hàng khác	329.428.600	147.178.600
	<hr/>	<hr/>
	2.615.962.068	2.346.806.887

Khoản phải thu thương mại từ công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	528.628.000	528.800.000
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	31.595.843.990	10.098.857.675
Phải thu người lao động	880.755.802	698.039.154
Phải thu về bán khoản đầu tư vào công ty liên kết	957.600.000	957.600.000
Phải thu về cổ phần hóa	79.100.000	79.100.000
Phải thu khác	282.197.451	202.928.908
	<hr/>	<hr/>
	34.324.125.243	12.565.325.737

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	122.348.580.780	25.254.415.004	132.701.454	4.209.064.708	151.944.761.946
Tăng do sáp nhập	-	-	193.400.000	1.467.313.818	1.660.713.818
Thanh lý	(54.630.250.442)	(17.939.000.560)	-	(356.015.388)	(72.925.266.390)
Số dư cuối kỳ	67.718.330.338	7.315.414.444	326.101.454	5.320.363.138	80.680.209.374
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	107.538.330.629	22.751.799.152	132.701.454	3.313.390.563	133.736.221.798
Khấu hao trong kỳ	964.725.303	831.583.485	15.083.334	198.704.230	2.010.096.352
Tăng do sáp nhập	-	-	170.775.003	358.984.778	529.759.781
Thanh lý	(49.980.875.112)	(17.472.657.579)	-	(356.015.388)	(67.809.548.079)
Số dư cuối kỳ	58.522.180.820	6.110.725.058	318.559.791	3.515.064.183	68.466.529.852
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	14.810.250.151	2.502.615.852	-	895.674.145	18.208.540.148
Số dư cuối kỳ	9.196.149.518	1.204.689.386	7.541.663	1.805.298.955	12.213.679.522

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 có tài sản có nguyên giá 49.765 triệu VND (1/1/2022: 68.841 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	30/6/2022		1/1/2022	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗi tính thuế	27.741.891.621	5.548.378.324	-	-
	27.741.891.621	5.548.378.324	-	-

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào năm 2024 và đã được quyết toán, được mang sang từ GTN.  
 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tổng Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

**14. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	1/1/2022 VND	Tăng do sáp nhập	Số phải thu trong kỳ VND	Số đã được hoàn lại/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	-	2.571.622	-	2.571.622
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.093.840.566	-	-	2.093.840.566
Thuế thu nhập cá nhân	251.650	-	-	-	251.650
Thuế nhà đất	101.436.300	-	1.772.129.575	(1.515.134.710)	358.431.165
	101.687.950	2.093.840.566	1.774.701.197	(1.515.134.710)	2.455.095.003

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>1/1/2022</b> <b>VND</b>	<b>Số phải nộp</b> <b>trong kỳ</b> <b>VND</b>	<b>Số đã nộp/</b> <b>bù trừ trong kỳ</b> <b>VND</b>	<b>30/6/2022</b> <b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	41.131.718	732.678.801	(610.512.379)	163.298.140
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.664.639.174	-	(1.664.639.174)	-
Thuế thu nhập cá nhân	468.945.867	199.622.899	(572.649.352)	95.919.414
Thuế nhà đất	656.746.060	465.453.673	(559.257.999)	562.941.734
Các loại thuế khác	1.000.000	8.000.000	(9.000.000)	-
	<b>2.832.462.819</b>	<b>1.405.755.373</b>	<b>(3.416.058.904)</b>	<b>822.159.288</b>

**15. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2022</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2022</b> <b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	244.920.380	177.130.460
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	135.000.000	135.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.703.259.218	5.647.654.309
	<b>6.083.179.598</b>	<b>5.959.784.769</b>

**16. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng tiền thuê đất đang được tạm tính theo đơn giá do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành cho giai đoạn từ tháng 7 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 do khu đất đang sử dụng chưa có hợp đồng thuê và thông báo nộp tiền thuê đất để làm căn cứ xác định nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2022</b>	<b>30/6/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	33.784.204.153	24.892.385.972
Trích lập trong kỳ	5.641.009.117	5.493.042.045
Sử dụng trong kỳ	(391.992.357)	(250.904.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	39.033.220.913	30.134.524.017

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1/1/2021</b>	631.010.000.000	-	40.851.017.209	221.447.252.241	893.308.269.450
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	56.424.823.324	56.424.823.324
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	10.986.084.091	(10.986.084.091)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.493.042.045)	(5.493.042.045)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2021</b>	631.010.000.000	-	51.837.101.300	261.392.949.429	944.240.050.729
<b>Số dư tại ngày 1/1/2022</b>	631.010.000.000	-	61.102.545.573	245.863.752.028	937.976.297.601
Phát hành thêm cổ phiếu để thực hiện sáp nhập với GTN	1.562.483.090.000	-	-	-	1.562.483.090.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	115.986.810.125	115.986.810.125
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	11.282.018.231	(11.282.018.231)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(5.641.009.117)	(5.641.009.117)
Tăng giảm do sáp nhập	(470.031.360.000)	236.741.977.230	-	22.761.188.826	(210.528.193.944)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2022</b>	1.723.461.730.000	236.741.977.230	72.384.563.804	367.688.723.631	2.400.276.994.665



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ-VLC ĐHCĐ/2022 ngày 8 tháng 6 năm 2022, Tổng Công ty trích lập Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 với tỷ lệ 10% tương ứng với số tiền 11.282.018.231 VND và Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 với tỷ lệ 5% tương ứng với số tiền 5.641.009.117 VND.

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2022		1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	172.346.173	1.723.461.730.000	63.101.000	631.010.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	172.346.173	1.723.461.730.000	63.101.000	631.010.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	172.346.173	1.723.461.730.000	63.101.000	631.010.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua nghị quyết số 02/2021/VLC/NQ-ĐHĐCĐ phê duyệt phương án sáp nhập và dự thảo Hợp đồng Sáp nhập công ty Cổ phần GTNfoods (“GTN”), Công ty mẹ của Tổng Công ty vào tổng Công ty theo phương án phát hành thêm cổ phiếu của tổng Công ty cho các cổ đông của GTN để hoán đổi lấy toàn bộ cổ phiếu của GTN đang lưu hành, tỉ lệ hoán đổi 1,6:1.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022, Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã phát hành công văn số 1270/UBCK-QLCB về việc xác nhận kết quả phát hành theo Báo cáo kết quả phát hành số 21/2022/VLC/CV ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Tổng Công ty, theo đó Tổng Công ty đã phát hành thành công thêm 156.248.309 cổ phiếu hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập với GTN và hủy 47.003.136 cổ phiếu như sau:

	Số lượng cổ phiếu	Số cổ phần
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	63.101.000	631.010.000.000
Phát hành cổ phiếu để hoán đổi	156.248.309	1.560.248.309.000
Số cổ phiếu bị hủy niêm yết	(47.003.136)	(470.003.136.000)
	172.346.173	1.723.461.730.000



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**20. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	3.319.255.984	3.061.851.736
Từ hai đến năm năm	10.925.962.145	11.008.552.445
Trên năm năm	55.937.644.210	57.303.389.478
	<hr/>	<hr/>
	70.182.862.339	71.373.793.659

**22. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2022</b>	<b>30/6/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cung cấp dịch vụ	1.792.949.802	1.777.196.756

**23. Giá vốn dịch vụ đã cung cấp**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2022</b>	<b>30/6/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn cung cấp dịch vụ	912.263.398	991.923.801

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Cổ tức được chia	97.844.956.500	51.102.245.700
Lãi tiền gửi và cho vay	25.135.189.783	14.046.381.911
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	-	475.316.881
	<u>122.980.146.283</u>	<u>65.623.944.492</u>

**25. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Dự phòng đầu tư tài chính	1.327.457.371	-
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	-	565.923.900
	<u>1.327.457.371</u>	<u>565.923.900</u>

**26. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	3.934.813.947	2.068.121.745
Chi phí khấu hao	269.870.880	262.073.712
Thuế, phí và lệ phí	671.839.140	1.196.157.630
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.065.018.017	2.633.126.311
Chi phí bằng tiền khác	909.837.268	565.880.587
	<u>8.851.379.252</u>	<u>6.725.359.985</u>



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Thu nhập khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	8.806.174.074	72.727.273
Thu nhập khác	599.231.868	701.014.803
	<b>9.405.405.942</b>	<b>773.742.076</b>

**28. Chi phí khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí khấu hao các tài sản tạm thời không sử dụng	1.504.024.304	1.190.273.645
Chi phí thanh lý tài sản	5.115.718.310	-
Chi phí khác	453.803.708	473.824.068
	<b>7.073.546.322</b>	<b>1.664.097.713</b>

**29. Chi phí kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	3.934.813.947	2.068.121.745
Chi phí khấu hao	506.072.049	437.828.668
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.741.080.246	3.383.259.380
Chi phí khác	1.581.676.408	1.828.073.993

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	-	1.775.709.042
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Ghi giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.045.559	27.045.559
	<u>27.045.559</u>	<u>1.802.754.601</u>

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	116.013.855.684	58.227.577.925
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	23.202.771.137	11.645.515.585
Chi phí không được khấu trừ	421.705.535	377.688.156
Thu nhập không bị tính thuế	(19.568.991.300)	(10.220.449.140)
Lỗ tính thuế được sử dụng	(4.055.485.372)	-
	<u>-</u>	<u>1.802.754.601</u>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
<b>Công ty con</b>		
<i>Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu</i>		
Bán hàng hóa, dịch vụ	330.198.436	341.058.659
Mua cổ phần	-	34.068.160.000
Cổ tức được chia	97.844.956.500	53.657.358.000
<b>Thành viên ban giám đốc</b>		
Lương và thưởng	180.000.000	240.000.000
<b>Thành viên hội đồng quản trị và ban kiểm soát</b>		
Thù lao và các khoản phúc lợi khác	268.000.000	204.000.000

**32. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2022 VND
Xóa sổ khoản phải thu về cho vay và dự phòng phải thu tương ứng	-	150.000.000

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**33. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 lần lượt được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ngày 30 tháng 7 năm 2022

Người lập:



Hoàng Mạnh Cường  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Huy Bích  
Giám đốc Tài chính



Trình Quốc Dũng  
Tổng Giám đốc